

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-12-2021

V/v tranh chấp “Chia tài sản
sau khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Phương Thảo.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Bích Hợp

2. Ông Phạm Ngọc Đông

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Mỹ Trinh - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Ông Trần An Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 917/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị G, sinh năm 1973(CM); HKTT: 70/4 Nguyễn L, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Cư trú tại: tổ 43, KV8, P. Đ, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973; Cư trú tại: 70/4 Nguyễn L, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (VM).

- Anh Đ đã được tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 9 tháng 10 năm 2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn, chị Bùi Thị G trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 1330/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Theo đó chị và anh Đ ly hôn, tài sản không yêu cầu Tòa giải quyết. Sau khi ly hôn, giữa chị với anh Đ không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết đối với tài là nhà và đất diện tích 35 m² theo giấy chứng nhận QSD đất và QSH nhà ở số vào sổ cấp GCN: CH01007 ngày 08/6/2018 của UBND TP.Quy Nhơn được chuyển QSD đất và QSH nhà thành của chung tên Nguyễn Văn Đ và Bùi Thị G hồ sơ số 000363.CQ.001. Nay chị khởi kiện yêu cầu chia đôi nhà đất trên. Nếu anh Đ nhận thì phải thanh toán lại chị ½ chênh lệch giá trị tài sản theo giá thị trường do Hội đồng định giá của Tòa thành lập và ngược lại.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn, anh Nguyễn Văn Đ Tòa đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết theo qui định pháp luật tố tụng Dân sự nhưng anh Đ không chấp hành triệu tập của Tòa.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

- Chị G được hưởng 1/2 giá trị căn nhà và đất số 70/4 Nguyễn L , tổ 30, KV4, phường T , TP. Quy Nhơn với số tiền là: 1.110.165.000đ;

- Anh Đ được quyền sở hữu, quản lý sử dụng căn nhà và đất số 70/4 Nguyễn L , tổ 30, KV4, phường T , TP. Quy Nhơn nên phải có nghĩa vụ bồi lại cho chị G số tiền là: 1.110.165.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe lời trình bày, yêu cầu và tranh luận của các đương sự; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng :

Việc xét xử sơ thẩm vắng mặt bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ - bị đơn, trong vụ án đã được tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo qui

định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nhà, đất tranh chấp có diện tích 35m² thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 22 địa chỉ: tổ 30, khu vực 4, phường T, TP. Quy Nhơn theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp cấp GCN: CH01007 ngày 08/6/2018 của UBND TP. Quy Nhơn được chuyển QSD đất và QSH nhà thành của chung anh Nguyễn Văn Đ và vợ là chị Bùi Thị G hồ sơ số 000363.CQ.001. Căn cứ nội dung tại Giấy chứng nhận trên HĐXX có cơ sở xác định đây là tài sản chung của chị G, anh Đ theo qui định tại khoản 1 Điều 34 Luật Hôn nhân gia đình. Nguyên đơn có yêu cầu chia đôi tài sản chung, mỗi người được nhận ½ giá trị tài sản chung theo giá thị trường tại thời điểm do Hội đồng định giá của tòa thành lập. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Đ không có bất kỳ ý kiến gì. HĐXX xét thấy yêu cầu chia đôi tài sản chung của chị G là có căn cứ qui định tại khoản 2 Điều 59 luật Hôn nhân gia đình.

Hiện nay cả chị G, anh Đ ngoài nhà, đất này không có chỗ ở nào khác. Do diện tích nhà, đất tại tổ 30, khu vực 4, phường T, TP. Quy Nhơn không đảm bảo diện tích tối thiểu chia đôi để ở nên Tòa không có căn cứ chia giao bằng hiện vật để anh Đ chị G đồng sở hữu, sử dụng. Xét thấy, nguồn gốc nhà, đất này do anh Đ được nhận thừa kế của cha mẹ anh trước khi có văn bản xác lập tài sản chung với chị G nên giao quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tổ 30, khu vực 4, phường T, TP. Quy Nhơn cho anh Đ sở hữu, sử dụng và anh Đ phải thanh toán ½ chênh lệch giá trị tài sản được nhận theo giá thị trường tại Biên bản định giá ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng định giá với giá trị nhà: 120.330.000đ; giá trị đất tại thời điểm: 60.000.000đ/m² cho chị G là đúng với qui định tại khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] HĐXX nhận thấy phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp nhận định trên của Tòa.

[4] Về án phí HNGĐ sơ thẩm; chi phí định giá tài sản:

- Án phí HNGĐ sơ thẩm chị Bùi Thị G, anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí có giá ngạch đối với giá trị phần tài sản mà anh chị được chia theo qui định khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và qui định tại điểm b, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chi phí định giá tài sản 3.000.000đ chị G tự nguyện chịu .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự
Căn cứ vào các điều 33,34 và 59 luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm b, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị G đối với anh Nguyễn Văn Đ về việc chia tài sản sau ly hôn.

1- Xác định quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số vào sổ cấp cấp GCN: CH01007 ngày 08/6/2018 của UBND TP.Quy Nhơn diện tích 35m² thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 22 địa chỉ: tổ 30, khu vực 4, phường T, TP.Quy Nhơn được chuyển QSD đất và QSH nhà thành của chung anh Nguyễn Văn Đ và chị Bùi Thị G hồ sơ số 000363.CQ.001 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh Nguyễn Văn Đ và chị Bùi Thị G

2- Giao anh Nguyễn Văn Đ sở hữu, sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 112, tờ bản đồ số 22, địa chỉ tổ 30, khu vực 4, phường T, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định diện tích 35m².

- Buộc anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho chị Bùi Thị G $\frac{1}{2}$ trị giá chênh lệch tài sản được nhận 1.110.165.000đ.

- Buộc chị Bùi Thị G giao lại anh Nguyễn Văn Đ bản gốc Giấy chứng nhận số vào sổ cấp cấp GCN: CH01007 ngày 08/6/2018 của UBND TP.Quy Nhơn để anh Nguyễn Văn Đ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất theo qui định pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3- Chi phí định giá tài sản:

Chị Bùi Thị G tự nguyện chịu 3.000.000đ (chị G đã nộp xong tại Tòa).

Án phí DSST: Chị Bùi Thị G phải chịu 45.305.000đ nhưng được trừ vào 10.500.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 0008643 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự TP. Quy Nhơn, Bình Định chị G còn phải nộp 34.805.000đ.

Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 45.305.000đ.

Báo cho các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại

phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Thị Phương Thảo

